

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 573 /BC-TA

Bình Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2018

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 001760
	Ngày: 18-06-2018
	Chuyên: 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018
	Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương
6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

I. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Trong 6 tháng đầu năm 2018, TAND 02 cấp đã giải quyết 6.338 / 9.241 vụ, việc các loại đã thụ lý, đạt tỷ lệ 68,58%, tạm đình chỉ 151 vụ, không có án quá hạn. Bình quân mỗi Thẩm phán giải quyết 8,80 vụ / tháng (tính: 3,18 vụ / tháng, huyện: 10,06 vụ / tháng)¹.

Trong đó:

+ Cấp tỉnh: Giải quyết 420 / 705 vụ, việc đã thụ lý, đạt tỷ lệ 59,57%, tạm đình chỉ 63 vụ.

+ Cấp huyện: Giải quyết 5.918 / 8.536 vụ, việc đã thụ lý, đạt tỷ lệ 69,32%, tạm đình chỉ 88 vụ.

(Số liệu kèm theo – Biểu số 01).

1. Tình hình giải quyết các loại án

Trong 9.241 vụ án các loại đã thụ lý, án hôn nhân gia đình chiếm đa số (chiếm 48,46%), còn lại là án dân sự (chiếm 32,27%), án hình sự (chiếm 12,59%), các loại án hành chính, kinh doanh thương mại, lao động (chiếm 6,68%), cụ thể:

a) Án hình sự

Án hình sự sơ thẩm của tỉnh thụ lý nhiều nhất là tội “Giết người” (21 vụ, chiếm tỷ lệ 15,78%), tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (17 vụ, chiếm tỷ lệ 12,78%). Án Hình sự sơ thẩm cấp huyện tập trung chủ yếu vào các tội “Trộm cắp tài sản” (328 vụ, chiếm tỷ lệ 17,96% án hình sự sơ thẩm) phát sinh nhiều ở thị xã Bến Cát, thành phố Thủ Dầu Một, huyện Dầu Tiếng; tội “Tàng trữ vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt ma túy” (246 vụ, chiếm tỷ lệ 13,47%;) phát sinh nhiều ở thị xã Dĩ An, thị xã Bến Cát, thành phố Thủ Dầu Một, tội “Đánh bạc” (117 vụ, chiếm tỷ lệ 6,40%) phát sinh nhiều ở thị xã Dĩ An, huyện Dầu Tiếng. Trong 6 tháng đầu năm 2018, TAND 2 cấp không phát sinh án liên quan đến tham nhũng.

¹ Không thể so với 6 tháng đầu năm 2017 (từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/3/2018) do có thay đổi về thời gian tính số liệu thống kê theo Công văn số 57/TANDTC-VP ngày 28/02/2018 của TAND tối cao về việc đính chính thời điểm chốt số liệu công tác Tòa án năm 2018 nêu tại Chỉ thị số 01 của Chánh án TANDTC.

b) Án Dân sự chủ yếu là các tranh chấp hợp đồng vay tài sản (516 vụ, chiếm tỷ lệ 17,30%) phát sinh nhiều ở thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Bến Cát, huyện Dầu Tiếng; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (354 vụ, chiếm tỷ lệ 11,87%) phát sinh nhiều ở thị xã Dĩ An, thị xã Bến Cát, huyện Dầu Tiếng; tranh chấp về quyền sử dụng đất (451 vụ, chiếm tỷ lệ 15,12%) phát sinh nhiều ở Thủ Dầu Một, thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên. Hầu hết các vụ án dân sự liên quan đến đất đai đều có tính chất phức tạp do các bên tranh chấp gay gắt, đương sự không hợp tác, chậm có kết quả trả lời của cơ quan chuyên môn trong thu thập chứng cứ làm kéo dài thời gian giải quyết án.

c) Án Hôn nhân và gia đình nhiều nhất là vụ việc ly hôn: Thụ lý 4.090 vụ, (chiếm tỷ lệ 91,33% án Hôn nhân gia đình sơ thẩm), phát sinh nhiều nhất ở thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An, thành phố Thủ Dầu Một. Độ tuổi ly hôn nhiều nhất từ 18 đến 30 tuổi. Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn gia đình (3.235 vụ, chiếm 72,24 % án ly hôn), do bị đánh đập, ngược đãi (37 vụ, chiếm 0,82%), do ngoại tình (11 vụ, chiếm 0,24%), do nghiện ma túy, rượu, cờ bạc (26 vụ, chiếm 0,58%), do các nguyên nhân khác (781 vụ, chiếm 17,44%). Ngoài ra, án hôn nhân gia đình còn phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con (79 vụ, chiếm 1,76 % án hôn nhân gia đình sơ thẩm).

d) Án hành chính chủ yếu là các khiếu kiện liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai (49 vụ / 82 vụ, chiếm 59,75% án hành chính sơ thẩm) thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh, cấp huyện án phát sinh ở thị xã Tân Uyên (04 vụ) và thị xã Dĩ An (07 vụ). Trong công tác giải quyết án hành chính, TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương chú trọng việc tổ chức đối thoại giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu kiện với công dân theo quy định để góp phần nâng cao chất lượng, tỷ lệ giải quyết án hành chính, tăng cường công tác phối hợp với UBND các cấp, các sở, ban, ngành có liên quan trong việc tham gia giải quyết các khiếu kiện hành chính, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật.

e) Án kinh doanh thương mại chủ yếu là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (125 vụ, chiếm tỷ lệ 40,71%); tranh chấp về đầu tư tài chính, ngân hàng (26 vụ, chiếm tỷ lệ 8,46%); tranh chấp thành viên công ty (15 vụ, chiếm tỷ lệ 4,88%), tranh chấp liên quan đến sở hữu trí tuệ (04 vụ, chiếm tỷ lệ 1,30%). Các tranh chấp thành viên công ty, quyền sở hữu trí tuệ, hợp đồng thi công xây dựng thường rất phức tạp, thời gian giải quyết kéo dài.

f) Án lao động nhiều nhất là xử lý kỷ luật, sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (178 vụ, chiếm tỷ lệ 77,72% án lao động sơ thẩm), phát sinh nhiều nhất tại thị xã Tân Uyên (87 vụ, chiếm tỷ lệ 37,99%), tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương (16 vụ, chiếm 6,98,16%), phát sinh nhiều nhất tại thị xã Bến Cát (04 vụ), tranh chấp bảo hiểm xã hội (17 vụ, chiếm 7,42%), phát sinh nhiều nhất ở thị xã Dĩ An (06 vụ). Trong giải quyết án lao động, TAND 2 cấp thường gặp khó khăn trong việc thu thập chứng cứ do đương sự không hợp tác.

g) Việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương đã thụ lý giải quyết 17 đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản², trong đó giải quyết 06 đơn yêu cầu: Tuyên bố phá sản 03 doanh nghiệp (tỉnh: 01, huyện: 02), ra quyết định đình chỉ thủ tục phá sản 02 doanh nghiệp (huyện), ra quyết định không mở thủ tục phá sản 01 doanh nghiệp (huyện)³; còn lại 11 đơn yêu cầu: Ra thông báo thụ lý mở thủ tục phá sản 02 (tỉnh), ra quyết định mở thủ tục phá sản 07 doanh nghiệp⁴, ra quyết định thanh lý tài sản 01 (tỉnh), 01 trường hợp áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh (tỉnh).

h) Việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án

TAND 02 cấp tỉnh Bình Dương đã giải quyết 252/ 280 trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đạt tỷ lệ 90%, cụ thể:

- TAND tỉnh: Giải quyết 05 / 05 trường hợp khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đạt tỷ lệ 100%;

- TAND cấp huyện: Giải quyết 252 / 280 trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính, trong đó: 233 trường hợp ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, 08 trường hợp không ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc⁵, 11 trường hợp đình chỉ⁶.

Ngoài ra, TAND cấp huyện còn xét miễn, giảm thời hạn chấp hành quyết định xử lý hành chính đối với 656 / 660 trường hợp⁷.

(Số liệu kèm theo – Biểu số 02).

2. Chất lượng giải quyết án

2.1. Án bị hủy, sửa

Trong 6.338 vụ, việc TAND 2 cấp đã giải quyết có 282 vụ bị kháng cáo, kháng nghị⁸. Nhận kết quả phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm 317 vụ, trong đó hủy án 75,5 vụ (tỉnh: 09, huyện: 66,5) chiếm tỷ lệ 1,19%, sửa án 74 vụ (tỉnh: 5,5; huyện: 68,5) chiếm tỷ lệ 1,17%.

Trong số án bị hủy có 48,5 vụ do sai (tỉnh: 02; huyện: 46,5) chiếm tỷ lệ 0,77%; trong số án bị sửa có 31 vụ do sai (tỉnh: 4,5; huyện: 26,5) chiếm tỷ lệ 0,49%.

(Số liệu kèm theo – Biểu số 03, 04).

2.2 Án treo, cải tạo không giam giữ

TAND 2 cấp đã tuyên 187 trường hợp được hưởng án treo (tỉnh: 23, huyện: 164) và 43 trường hợp cải tạo không giam giữ (tỉnh: 03, huyện: 40). Không có trường hợp bị cáo phạm các tội về kinh tế, tham nhũng, chức vụ được Tòa án

² Tỉnh thụ lý: 09 (cũ) ; huyện thụ lý: 08 (mới).

³ Ra quyết định phúc thẩm giữ nguyên quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án cấp sơ thẩm 01 (Thuận An),

⁴ Tỉnh 04, huyện 03.

⁵ Đối tượng bị XLVPHC có địa chỉ ngoài địa phương, Biên bản xác minh không thể hiện rõ nơi cư trú của đối tượng bị XLVPHC.

⁶ Đối tượng bị XLVPHC đang bị xử lý hình sự, Phòng LĐTB&XH rút hồ sơ XLVPHC.

⁷ Phú Giáo.

⁸ Kháng cáo: 241, chiếm tỷ lệ 3,8%; kháng nghị: 41 vụ, chiếm tỷ lệ 0,64%.

tuyên cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ (không thụ lý, giải quyết án tham nhũng).

2.3 Hòa giải trong giải quyết các loại án

Trong giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động, công tác hòa giải luôn được chú trọng. Trong 6 tháng đầu năm đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và hòa giải đoàn tụ thành 3.351 / 5.446 vụ đã giải quyết, đạt tỷ lệ 61,53%, (tỉnh: 52 / 307 vụ, đạt tỷ lệ 16,94%, huyện: 3.299 / 5.139 vụ, đạt tỷ lệ 64,20%). Đơn vị có tỷ lệ án hòa giải thành cao nhất là TAND thị xã Bến Cát 576 / 653 vụ (88,21%), TAND huyện Bàu Bàng 172 / 217 vụ (79,26%), TAND huyện Bắc Tân Uyên 115 / 164 (70,12%).

Đối với án hành chính, TAND 2 cấp đã giải quyết 36 / 82 vụ, đạt tỷ lệ 43,90%, trong đó có 10 / 36 vụ án đình chỉ thông qua đối thoại, đạt tỷ lệ 27,77% (tỉnh: 02 / 27 vụ, đạt tỷ lệ 7,40 %, huyện: 08 / 09 vụ, đạt tỷ lệ 88,88%).

2.4 Án tuyên không rõ ràng

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương có 70⁹ trường hợp phải sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định. Không có trường hợp án tuyên không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

3. Công tác thi hành án hình sự

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương đã ban hành 1.188 quyết định thi hành án hình sự các loại (tỉnh: 62; huyện: 1.126). Ngoài ra, TAND tỉnh đã tổ chức 01 đợt xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho 1.987 phạm nhân theo đề nghị của Trại giam An Phước, Trại giam Phú Hòa và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, TAND thị xã Dĩ An đã xét rút ngắn thời gian thử thách án treo đối với 22 người bị kết án. Việc thi hành án hình sự được tiến hành kịp thời, chính xác. Công tác ủy thác thi hành án, hoãn, tạm đình chỉ thi hành án đều thực hiện đúng quy định.

4. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2018, TAND 2 cấp đã tiếp 66 lượt (tỉnh: 43, huyện: 23), nhận 228 đơn (170 đơn khiếu nại và 58 đơn tố cáo), trong đó có 111 đơn không thuộc thẩm quyền (88 đơn khiếu nại, 23 đơn tố cáo), 117 đơn thuộc thẩm quyền (82 đơn khiếu nại, 35 đơn tố cáo); đã xử lý và giải quyết 225 / 228 đơn khiếu nại, tố cáo đạt tỷ lệ 98,68%, cụ thể:

- Về đơn khiếu nại:

+ Đối với 88 đơn không thuộc thẩm quyền: TAND 02 cấp đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, trả lại đơn, trả lời đơn cho người khiếu nại biết về thẩm quyền giải quyết khiếu nại hoặc người khiếu nại rút đơn.

+ Đối với 82 đơn thuộc thẩm quyền: TAND 02 cấp đã giải quyết 80 / 82 đơn, đạt tỷ lệ 97,56%, kết quả: 05 đơn khiếu nại đúng¹⁰, 65 đơn sai toàn bộ, 07 trường hợp rút đơn, 03 trường hợp trả lời đơn¹¹, còn lại 02 đơn đang xem xét giải quyết.

⁹ Tỉnh: 41, huyện: 29.

- Về đơn tố cáo:

+ Đối với 23 đơn không thuộc thẩm quyền: TAND 02 cấp đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

+ Đối với 35 đơn thuộc thẩm quyền: TAND 02 cấp đã giải quyết 33 / 35 đơn, đạt tỷ lệ 94,28%, kết quả: 01 đơn tố cáo có đúng có sai¹², 30 đơn tố cáo sai toàn bộ, 02 trường hợp lưu đơn¹³, còn lại 02 đơn đang xem xét giải quyết.

Trong 6 tháng đầu năm đã tiếp nhận 01 đơn do HĐND chuyển đến, TAND tỉnh Bình Dương đã giải quyết và có văn bản báo cáo kết quả giải quyết theo quy định¹⁴.

5. Công tác cải cách hành chính

- TAND tỉnh tiếp tục cải tiến các quy trình xử lý công việc theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Trong 06 tháng đầu năm, đã tổ chức 01 đợt đánh giá nội bộ (vào tháng 12/2017) đối với các Tòa, Phòng TAND tỉnh; triển khai kế hoạch cải cách hành chính, kiểm tra nghiệp vụ định kỳ và đột xuất đối với TAND cấp huyện; kiểm tra việc tổ chức, quán triệt, triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử của CBCC TAND và các kế hoạch, chỉ đạo của lãnh đạo TAND tỉnh về công tác cải cách hành chính, văn thư lưu trữ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác TAND 2 cấp; tiếp tục sử dụng Bản tin nội bộ trong hoạt động báo cáo, giao ban, sử dụng hộp thư điện tử TAND trong trao đổi thông tin giữa các cơ quan, ban, ngành; tiếp tục sử dụng các phần mềm quản lý án, thống kê án theo đúng yêu cầu của TAND tối cao, tiếp tục sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc và vận hành thử nghiệm mở rộng ra 9 TAND cấp huyện. Tổ Hành chính tư pháp trực thuộc văn phòng TAND tỉnh và huyện thực hiện tốt chức năng tham mưu cho lãnh đạo trong quản lý, phân công án, quản lý đầu vào, đầu ra quá trình thụ lý, giải quyết các loại vụ án theo cơ chế một cửa.

6. Công tác cải cách tư pháp

- Về chuyên môn:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 01/2017/CT-CA ngày 16/01/2017, Hướng dẫn số 136/HD-TANDTC ngày 30/3/2017 của Chánh án TAND tối cao về công tác tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm theo yêu cầu cải cách tư pháp, 6 tháng đầu năm 2018, TAND 2 cấp đã tổ chức 33 phiên tòa rút kinh nghiệm¹⁵ (tỉnh: 6, huyện: 27).

Thực hiện Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, đã công bố công khai 1.383 Bản án, Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của TAND tối cao (tỉnh: 110, huyện: 1.273).

- Về biên chế, tổ chức:

¹⁰ 05 đơn khiếu nại đúng: (Bến Cát: 02, Tân Uyên: 01, Bàu Bàng: 01, Bắc Tân Uyên: 01).

¹¹ Khiếu nại về nội dung đã giải quyết khiếu nại rồi.

¹² 01 đơn tố cáo có đúng có sai: Tỉnh: 01 (Phòng Tổ chức cán bộ, Thanh tra và Thi đua khen thưởng).

¹³ Đơn cùng nội dung đến cơ quan chuyển đơn; xếp đơn do người tố cáo không thừa nhận việc đứng đơn và gửi đơn.

¹⁴ Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Minh – Bị đơn: Bà Phùng Phụng Mỹ.

¹⁵ Tòa Hình sự: 02, Tòa Dân sự: 02, Bến Cát: 02, Thuận An: 05, Dĩ An: 05, Bắc Tân Uyên: 04, Bàu Bàng: 01.

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương được TAND tối cao phân bổ 304 biên chế, hiện có 288 biên chế, còn thiếu 16 biên chế, cụ thể:

TAND tỉnh: Được phân bổ 82 biên chế (trong đó có 30 Thẩm phán trung cấp), hiện có 78 biên chế (trong đó có 01 Thẩm phán cao cấp và 26 Thẩm phán trung cấp), hiện còn thiếu 04 biên chế (trong đó thiếu 03 Thẩm phán trung cấp).

TAND cấp huyện: Được phân bổ 222 biên chế (trong đó 23 Thẩm phán trung cấp và 105 Thẩm phán sơ cấp), hiện có 210 biên chế (trong đó có 20 Thẩm phán trung cấp và 86 Thẩm phán sơ cấp), hiện còn thiếu 12 biên chế (trong đó thiếu 19 Thẩm phán sơ cấp và 03 Thẩm phán trung cấp).

Ngoài số lượng CBCC trong biên chế, TAND 2 cấp còn có 63 hợp đồng lao động (tỉnh: 12, huyện: 51), trong đó hợp đồng định biên là 37 (tỉnh: 08, huyện: 29) và ngoài định biên là 26 (tỉnh: 04, huyện: 22).

- Về cơ sở vật chất:

Đối với TAND tỉnh: Được sự hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh về việc lắp đặt đường truyền và cải tạo cách âm 04 phòng xử án phục vụ công tác xét xử, TAND tỉnh đã tiến hành các thủ tục để Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án. Hiện đang chờ kết quả phê duyệt thẩm định.

Đối với TAND cấp huyện: Tiếp tục thi công xây dựng trụ sở mới TAND huyện Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên, dự kiến đến tháng 8 năm 2018 hoàn thành các công trình đưa vào sử dụng.

7. Sự phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương

a) Việc thực hiện quy chế phối hợp liên ngành giữa Tòa án và cơ quan Công an, Viện kiểm sát, thi hành án trong chuyên giao bản án, quyết định, các văn bản tố tụng

TAND 2 cấp đã chuyển giao 4.581 bản án, quyết định cho Viện Kiểm sát nhân dân (tỉnh: 400, huyện 4.181), 4.379 bản án, quyết định cho cơ quan thi hành án (tỉnh: 68, huyện: 4.311).

b) Công tác phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và rà soát thông tin lý lịch tư pháp

TAND 2 cấp đã cung cấp 2.394 thông tin lý lịch tư pháp (tỉnh: 48, huyện: 2.346) cho Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương. Hàng quý, TAND 2 cấp và Sở Tư pháp đều tiến hành rà soát, đối chiếu số lượng TTLLTP đã cung cấp theo đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định số 111 và Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và rà soát thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Ngoài ra TAND 2 cấp đã cung cấp 6.338 quyết định, bản án, trích lục án cho Sở Tư pháp, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an các tỉnh, thành phố khi có yêu cầu phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

c) Công tác phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong thực hiện TTLT số 06/2016/TTLT-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/5/2016

Công tác phối hợp giữa TAND 2 cấp và Cơ quan Thi hành án dân sự trong việc thực hiện Thông tư liên tịch số 06 theo đúng chỉ đạo của TAND tối cao. Hàng

quý, TAND 2 cấp phối hợp với Cơ quan Thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân 2 cấp rà soát các bản án có hiệu lực pháp luật để xác định tính khả thi hoặc không thi hành được, thống kê liên ngành báo cáo tình hình cho ngành cấp trên. Khi phát sinh khó khăn, vướng mắc trong công tác thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, TAND 2 cấp phối hợp với Cơ quan thi hành án dân sự và Viện Kiểm sát nhân dân báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức họp liên ngành để giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

d) Công tác phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường.

TAND tỉnh đã triển khai đến các đơn vị trực thuộc và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thi hành án dân sự tỉnh trong công tác lập mảnh trích lục địa chính, định giá, cung cấp thông tin phục vụ giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai và thi hành án dân sự.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI THẨM NHÂN DÂN

- TAND 2 cấp có 273 vị HTND (tỉnh: 31, huyện: 242). Trong 06 tháng đầu năm có 249 HTND đã tham gia xét xử 1.751 vụ án sơ thẩm các loại, có 27 HTND tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm (tỉnh: 08, huyện: 19). Quá trình tham gia xét xử, HTND 2 cấp làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho bị cáo, các đương sự trong vụ án cũng như những người tham dự phiên tòa, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của nhân dân. HTND tỉnh và huyện luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tham gia xét xử theo sự phân công của Chánh án, phối hợp chặt chẽ với Thẩm phán.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Hầu hết các loại án có tỷ lệ giải quyết đạt trên 50% (trừ án dân sự, hành chính), trong đó án hình sự, hôn nhân gia đình và án lao động có tỷ lệ giải quyết cao; tỷ lệ án bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan của TAND 2 cấp đảm bảo trong giới hạn cho phép theo quy định của TAND tối cao; không có án quá hạn do nguyên nhân chủ quan, không phát sinh án tuyên không rõ khó thi hành án. Tỷ lệ hòa giải thành các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động của TAND 2 cấp đạt ở mức cao, đảm bảo chỉ tiêu do TAND tối cao đề ra (61,53%).

- Công tác HTND luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, ban, ngành chủ quản luôn tạo điều kiện tốt nhất cho Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử theo sự phân công của Tòa án. Hội thẩm TAND 2 cấp đề cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, khi có quyết định phân công xét xử đều thực hiện nghiêm túc, phối hợp tốt với Thẩm phán trong thực hiện lịch xét xử, sắp xếp thời gian nghiên cứu hồ sơ và tham gia xét xử theo đúng quy định, trường hợp không tham gia được đều có lý do chính đáng và thông báo trước cho Tòa án để phân công HTND khác thay thế.

2. Khó khăn, hạn chế

- Tỷ lệ giải quyết án dân sự, hành chính còn thấp; còn có đơn vị chất lượng xét xử chưa đảm bảo tỷ lệ theo yêu cầu của TAND tối cao; tỷ lệ hòa giải thành các

vụ án dân sự của một số đơn vị chưa đạt yêu cầu; tỷ lệ xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án còn thấp hơn chỉ tiêu yêu cầu của TAND tối cao.

Nguyên nhân:

- Tỷ lệ giải quyết các loại án dân sự, hòa giải thành không cao là do phần lớn các vụ án có tính chất phức tạp, tranh chấp rất gay gắt, mỗi vụ án thường có nhiều quan hệ pháp luật, nhiều đương sự; tài sản và đương sự ở nhiều địa phương khác nhau, phía bị đơn không hợp tác, liên tục khiếu nại, tố cáo không có căn cứ, việc cung cấp thông tin của các cơ quan có liên quan ngoài địa phương không kịp thời, ủy thác thu thập chứng cứ chậm được thực hiện... Các loại án liên quan đến tranh chấp ranh đất, tách thửa, mở lối đi, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc, tranh chấp hợp đồng vay núp bóng dưới hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tính chất tranh chấp gay gắt nên thời gian giải quyết kéo dài.

- Án hành chính chủ yếu là án sơ thẩm, nội dung khởi kiện ngày càng phức tạp và mở rộng ra nhiều lĩnh vực nên công tác giải quyết khó khăn, một bộ phận người dân ý thức tuân thủ pháp luật thấp dẫn đến tỷ lệ giải quyết và đối thoại thành không cao.

- Tỷ lệ giải quyết loại việc xem xét áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính của một số đơn vị còn thấp do hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án phát sinh nhiều, thời gian giải quyết ngắn tạo nhiều áp lực cho Thẩm phán, việc phối hợp với cơ quan hữu quan để xác minh nơi thường trú của người bị đề nghị còn chậm, việc họp xét đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện phải mở nơi đang tạm giữ người bị đề nghị (khác địa bàn) gây mất nhiều thời gian, kinh phí, ảnh hưởng tới công tác chung của Thẩm phán, Thư ký.

- Tỷ lệ án bị hủy do nguyên nhân chủ quan của một số đơn vị quá tỷ lệ 1,16% là do vi phạm thủ tục tố tụng, việc đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, thu thập chứng cứ không đầy đủ, giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện, không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, còn có nguyên nhân khách quan là do số lượng án phát sinh nhiều, áp lực công việc lớn, nhiều vụ án có tính chất phức tạp, thiếu Thẩm phán, Thư ký.

Giải pháp:

Đề nâng cao chất lượng xét xử các loại án, TAND tỉnh đã triển khai đến toàn thể CBCC TAND 2 cấp thực hiện nghiêm túc 14 giải pháp theo Chỉ thị số 01/2018/CT-CA của TAND tối cao và chọn 2 giải pháp đột phá:

- Nâng cao chất lượng hiệu quả của đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký và Hội thẩm nhân dân vững vàng chính trị, giỏi nghiệp vụ chuyên môn, nắm chắc luật pháp.

- Tập trung công tác hòa giải và đối thoại trong giải quyết án dân sự và hành chính. Từ đó đạt được kết quả bước đầu, giảm dần tỷ lệ án bị hủy do lỗi chủ quan.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Trên cơ sở kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm, TAND tỉnh Bình Dương xác định các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018 như sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp theo chỉ đạo của Chánh án TAND tối cao để nâng cao chất lượng hoạt động, đặc biệt là công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án, thi hành án hình sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo... Phần đầu đạt chỉ tiêu, tỷ lệ giải quyết theo đúng quy định của TAND tối cao;

- Làm tốt công tác thi hành án hình sự, bảo đảm ra quyết định thi hành án hình sự đúng thời hạn đối với 100% người bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật. Đảm bảo việc hoãn, tạm đình chỉ thi hành án, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù phải có căn cứ và đúng pháp luật;

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định, không để tồn đọng, bức xúc kéo dài;

- Tiếp tục phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân 2 cấp tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm theo đúng chỉ đạo của TAND tối cao;

- Tiếp tục phối hợp tốt với các cơ quan ban, ngành, địa phương trong các hoạt động;

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, cải cách tư pháp, công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng đã đề ra từ đầu năm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác; công khai, minh bạch các hoạt động của Tòa án theo đúng quy định;

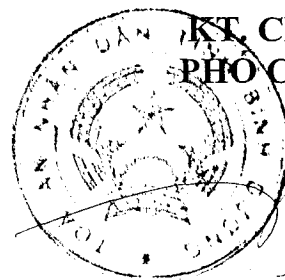
- Tăng cường công tác xây dựng đội ngũ CBCC TAND trong sạch, vững mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; tăng cường kỷ luật công vụ và công tác kiểm tra, thanh tra;

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan tham mưu của UBND tỉnh để thực hiện lắp đặt đường truyền trực tuyến 04 phòng xử án của TAND tỉnh; hoàn thiện việc xây dựng đưa vào sử dụng trụ sở mới của TAND huyện Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018 của TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương.

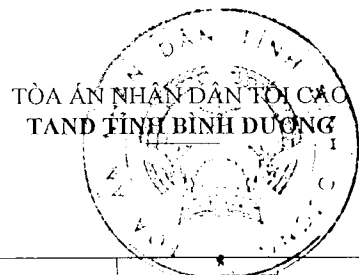
Nơi nhận:

- TT HĐND;
- BPC HĐND;
- DB HĐND;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- CA, PCA;
- Tòa, Phòng TAND tỉnh;
- TAND cấp huyện;
- Lưu: VT, HCTH.



**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TAND TỈNH BÌNH DƯƠNG

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỦ LÝ, GIẢI QUYẾT CÁC LOẠI ÁN
TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương
(Từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/5/2018)
(Kèm theo Báo cáo số 573/BC-TA ngày 14/6/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 1

ĐƠN VỊ		HÌNH SỰ					DÂN SỰ			HÔN NHÂN GIA ĐÌNH			HÀNH CHÍNH			KBTM			LAO ĐỘNG			TỔNG CỘNG			CHẤT LƯỢNG XÉT XỬ					Tổng số Thẩm phán thực tế tham gia xét xử (*)	Tổng số Thẩm phán của đơn vị	Số vụ bình quân mỗi TP giải quyết/ tháng	Tạm định chỉ	Trà hồ sơ cho Viện Kiểm sát					Án quá hạn	Phiên tòa rút kính nghe
		Thủ lý		Giải quyết		Tỷ lệ %	Thủ lý	Giải quyết	Tỷ lệ %	Thủ lý	Giải quyết	Tỷ lệ %	Thủ lý	Giải quyết	Tỷ lệ %	Thủ lý	Giải quyết	Tỷ lệ %	Trong lý			Số án bị hủy đa lỗi chủ quan	Tỷ lệ %	Số án bị sửa do lỗi chủ quan	Tỷ lệ %															
																			Tổng Thủ lý	Giải quyết	Tỷ lệ %																			
		(1)	(2)	(3)	(4)														(5)	(6)	(7)					(8)	(9)	(10)	(11)					(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
Tỉnh	ST	65	133	40	70	61.54	93	16	17.20	34	23	67.65	61	22	36.07	36	8	22.22				289	109	37.72	2.0	0.48	4.5	1.07	22	27	2.59	63	15	2	13.33	2	13.33		6	
	PT	101	151	73	104	72.28	238	178	74.79	29	21	72.41	5	5	100	33	25	75.76	10	9	90.00	416	311	74.76																
Tổng tỉnh		166	284	113	174	68.07	331	194	58.61	63	44	69.84	66	27	40.91	69	33	47.83	10	9	90.00	705	420	59.57	2	0.48	4.5	1.07	22	27	3.18	63	15	2	13.33	2	13.33		6	
Huyện	TDM	260	436	216	360	83.08	463	232	50.11	632	482	76.27	1			43	22	51.16	16	11	68.75	1,415	963	68.06	8	0.83	5.5	0.57	16	17	10.03	22	14	14	100				2	
	TA	149	290	116	225	77.85	242	152	62.81	784	720	91.84	1			45	29	64.44	30	29	96.67	1,251	1,046	83.61	1.5	0.14	2	0.19	17	18	10.25	3	4	4	100				7	
	DA	234	435	175	307	74.79	316	181	57.28	826	661	80.02	7	7	100	44	28	63.64	36	22	61.11	1,463	1,074	73.41	12.5	1.16	7	0.65	18	19	9.94	8	11	9	81.82	2	18.18		7	
	BC	115	190	88	142	77	377	166	44.03	558	440	78.85	2	1	50	45	25	56	29	21	72.41	1,126	741	65.81	6	0.81	4	0.54	9	10	13.72	6	1	1	100				3	
	TU	93	188	73	147	78.49	334	105	31.44	423	317	74.94	4	1	25	47	24	51.06	102	93	91.18	1,003	613	61.12	3	0.49	1	0.16	13	15	7.86	14	2	2	100				1	
	BB	27	51	21	39	77.78	180	83	46.11	176	129	73.30				6	3	50	2	2	100.00	391	238	60.87	2	0.84	0.5	0.21	7	7	5.67	1	1	1	100				1	
	BTU	37	99	30	84	81.08	109	44	40.37	135	114	84.44				4	2	50.00	4	4	100	289	194	67.13	5	2.58	1	0.52	5	5	6.47	9	4	3	75	1	25		1	
	PG	42	53	25	32	59.52	228	73	32.02	359	257	71.59	1			2	2	100				632	357	56.49	3.5	0.98	1.5	0.42	8	8	7.44	16	1			1	100		4	
	DT	40	84	35	66	88	402	239	59.45	522	416	79.69				2	2	100.00				966	692	71.64	5	0.72	4	0.58	5	7	23.07	9	1			1	100		1	
Tổng huyện		997	1,826	779	1,402	78.13	2,651	1,275	48.10	4,415	3,536	80.09	16	9	56.25	238	137	57.56	219	182	83.11	8,536	5,918	69.33	46.5	0.79	26.5	0.45	98	106	10.06	88	39	34	87	5	12.82		27	
Tổng ST		1,062	1,959	819	1,472	77.12	2,744	1,291	47.05	4,449	3,559	80.00	77	31	40.26	274	145	53	219	182	83.11	8,825	6,027	68.29	48.5	0.80	31	0.51	120	133	8.17	151	54	36	67	7	12.96		33	
Tổng ngành		1,163	2,110	892	1,576	76.70	2,982	1,469	49.26	4,478	3,580	79.95	82	36	43.90	307	170	55.37	219	191	83.41	9,241	6,338	68.59	48.5	0.77	31	0.49	120	133	8.80	151	54	36	67	7	12.96		33	

Ghi chú:

- Số giải quyết không bao gồm án tạm đình chỉ, số vụ chuyển hồ sơ.

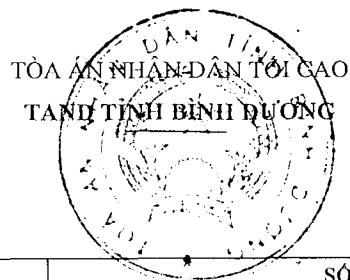
(*) :Thẩm phán hết nhiệm kỳ chưa được tái bổ nhiệm: Tỉnh: 05 (Tòa Dân sự: 02, Tòa Hành sự: 02, Tòa Lao động: 01), Huyện: 08 (Thủ Dẫu Một: 01, Thuận An: 01, Dĩ An: 01, Bến Cát: 01, Tân Uyên: 02, Dầu Tiếng: 02).



**THỐNG KÊ THỤ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP
XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN**
(Từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/5/2018)
(Kèm theo Báo cáo số 57/BC-TA ngày 14/6/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 2

BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH	Số hồ sơ phải giải quyết			Số hồ sơ đã giải quyết					Số hồ sơ còn lại				Thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính			Đặc điểm người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính				
	Cũ còn lại	Mới thụ lý	Tổng số	Chuyển hồ sơ	Đình chỉ	Không áp dụng biện pháp xử lý hành chính	Áp dụng biện pháp xử lý hành chính	Tổng số	Tổng số	Quá hạn luật định	Tạm đình chỉ	Đang yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ	Từ 6 tháng đến 12 tháng	Từ 12 tháng đến 24 tháng	Từ 18 tháng đến 24 tháng	Độ tuổi				Nghiện ma túy
																Từ đủ 12 đến dưới 14 tuổi	Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi	Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	Từ 18 tuổi trở lên	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>20</i>	<i>21</i>
Tỉnh		5	5				5	5						5					5	5
<i>Thủ Dầu Một</i>	18	24	42		4		37	41	1					37					37	37
<i>Thuận An</i>		76	76		2		59	61	15				23	36					59	29
<i>Dĩ An</i>		66	66		1	4	53	58	8				20	33					53	25
<i>Bến Cát</i>	8	17	25			2	20	22	3					20					20	13
<i>Tân Uyên</i>	1	21	22		1	1	19	21	1					19					19	19
<i>Bàu Bàng</i>		3	3				3	3						3				2	1	2
<i>Bắc Tân Uyên</i>		4	4				4	4						4					4	4
<i>Phước Giáo</i>	1	14	15		1	1	13	15						13					13	13
<i>Dầu Tiếng</i>	2	20	22		2		20	22					5	15					20	20
Tổng huyện	30	245	275		11	8	228	247	28				48	180				2	226	162
Tổng ngành	30	250	280		11	8	233	252	28				48	185				2	231	167



THỐNG KÊ SỐ LIỆU ÁN BỊ HỦY

TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương

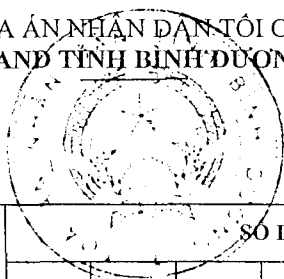
(Từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/5/2018)

(Kèm theo Báo cáo số 573/BC-TA ngày 14/6/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 3

ĐƠN VỊ		SỐ LƯỢNG ÁN BỊ HỦY (VỤ)								SỐ LƯỢNG ÁN BỊ HỦY CHỦ QUAN (VỤ)									GHI CHÚ	
		HS	DS	HINGĐ	KDTM	LD	HIC	TỔNG	TỔNG GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ	HS	DS	HINGĐ	KDTM	LD	HC	TỔNG	TỔNG GIẢI QUYẾT		TỶ LỆ
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Tỉnh	PT		1.0					1.0	420	0.24%							0	420	0.00%	
	GĐT		6.0		1.0	1.0		8.0		2.64%		1.0			1.0		2		0.48%	
Tổng tỉnh			7.0		1.0	1.0		9.0	420	2.14%		1.0			1.0		2	420	0.48%	
TDM	PT		8.0	1.0	5.0			14.0	963	1.45%		4.0		3.0			7	963	0.73%	
	GĐT		1					1		0.10%		1					1		0.10%	
	Tổng		9.0	1.0	5.0			15.0		1.56%		5.0		3.0			8		0.83%	
TA	PT		1.0					1.0	1,046	0.10%		1.0					1	1,046	0.10%	
	GĐT	0.5						0.5		0.05%	0.5						0.5		0.05%	
	Tổng	0.5	1.0					1.5		0.14%	0.5	1.0					1.5		0.14%	
DA	PT		12.5			2.0		14.5	1,074	1.35%		11.5			1.0		12.5	1,074	1.16%	
BC	PT		7.0		1.0	1.0		9.0	741	1.21%		5.0		1.0			6	741	0.81%	
TU	PT		4.0				1.0	5.0	613	0.82%		2.0				1.0	3.0	613	0.49%	
BB	PT		4.0	1.0				5.0	238	2.10%		1.0	1.0				2.0	238	0.84%	
BTU	PT		4.0	1.0				5.0	194	2.58%		4.0	1.0				5.0	194	2.58%	
PG	PT	1.0	2.5					3.5	357	0.98%	1.0	2.5					3.5	357	0.98%	
DT	PT		7.0	1.0				8.0	692	1.16%		4.0	1.0				5	692	0.72%	
Tổng huyện		1.5	51.0	4.0	6.0	3.0	1.0	66.5	5,918	1.12%	1.5	36.0	3.0	4.0	1.0	1.0	46.5	5,918	0.79%	
Tổng ngành		1.5	58.0	4.0	7.0	4.0	1.0	75.5	6,338	1.19%	1.5	37.0	3.0	4.0	2.0	1.0	48.5	6,338	0.77%	

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TAND TỈNH BÌNH DƯƠNG



THỐNG KÊ SỐ LIỆU ÁN BỊ SỬA
TAND 2 cấp tỉnh Bình Dương

Từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 31/5/2018

(Kèm theo Báo cáo số 575/BC-TA ngày 14 /6/2018 của TAND tỉnh Bình Dương)

Biểu 4

ĐƠN VỊ		SỐ LƯỢNG ÁN BỊ SỬA (VỤ)								SỐ LƯỢNG ÁN BỊ SỬA CHỦ QUAN (VỤ)								GHI CHÚ		
		HS	DS	HNGD	KDTM	LD	HC	TỔNG	TỔNG GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ	HS	DS	HNGD	KDTM	LD	HIC	TỔNG		TỔNG GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Tỉnh		3.0			1.0		2.0	6.0	420	1.43%	2.0			0.5		2.0	4.5	420	1.07%	
Huyện	TDM	4.5	9.5	0.5	2.0			16.5	963	1.71%	1.5	3.5	0.5				5.5	963	0.57%	
	TA		4.0					4.0	1,046	0.38%		2.0					2.0	1,046	0.19%	
	DA	3.5	4.5	0.5	2.0			10.5	1,074	0.98%	1.5	4.0		1.5			7.0	1,074	0.65%	
	BC	1.0	3.0					4.0	741	0.54%	1.0	3.0					4.0	741	0.54%	
	TU	10.0	3.0		1.0	1.0		15.0	613	2.45%		1.0					1.0	613	0.16%	
	DT	3.0	3.0		1.0			7.0	692	1.01%	1.0	2.0		1.0			4.0	692	0.58%	
	PG	1.0	3.5	0.5				5.0	357	1.40%		1.5					1.5	357	0.42%	
	BTU		4.0					4.0	194	2.06%		1.0					1.0	194	0.52%	
	BB	2.0	0.5					2.5	238	1.05%		0.5					0.5	238	0.21%	
Tổng huyện		25.0	35.0	1.5	6.0	1.0		68.5	5,918	1.16%	5.0	18.5	0.5	2.5			26.5	5,918	0.45%	
Tổng ngành		28.0	35.0	1.5	7.0	1.0	2.0	74.5	6,338	1.18%	7.0	18.5	0.5	3.0		2.0	31.0	6,338	0.49%	

[Signature]